TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1991.

HKTT: Xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh C.

Nơi ở hiện nay: Cầu HY 3km7, phường H, thành phố M, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm C (nay là xóm Y), xã V, huyện T, tỉnh N.

Nơi ở hiện nay: khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày*:

Chị và anh Nguyễn Văn D chung sống vào năm 2015, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh C (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2015, ngày 11/02/2015).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên không có sự tin tưởng, quan tâm và chia sẻ. Chị và anh D sống ly thân đã 4 năm, do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu nhau nên chị xin ly hôn với anh D.

- Con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Thành K, sinh ngày 17/7/2015. Ly hôn, chị xin nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày*:

Anh và chị H chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh C.

Sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên anh chị sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ được nữa.

- Con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Thành K, sinh ngày 17/7/2015 hiện đang sống cùng chị H. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang làm công nhân tại khu công nghiệp N3, huyện N, tỉnh Đ, thu nhập trung bình mỗi tháng trên 5.000.000 đồng nên có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Anh D có yêu cầu vắng mặt khi xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 17/7/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị H xin ly hôn, xin nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, đương sự không tranh chấp tài sản chung và khai không có nợ chung. Anh D đồng ý với yêu cầu của chị H. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù

hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn D có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Do anh D đang sinh sống tại khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H, bị đơn là anh Nguyễn Văn D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn D chung sống vào năm 2015, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2015, ngày 11/02/2015. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị H xin ly anh D vì vợ chồng không còn thương yêu nhau.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H và anh D khai là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên hôn nhân không hạnh phúc, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Anh D cũng đồng ý ly hôn với chị H vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H và anh D khai có 01 con chung là Nguyễn Thành K, sinh ngày 17/7/2015. Ly hôn, chị H xin nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh D đồng ý. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Tài sản chung: đương sự không tranh chấp nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thành K, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi). Anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007650 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai